



**CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN**

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
đã được kiểm toán*



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT

A28 Lô 3 - Khu đô thị Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: 024 - 3640 3642 / Fax: 024 - 3640 3643 / Web: www.pnt.com.vn

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 5600128071 lần đầu ngày 05/05/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01/2/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý, bảo vệ, vận hành và khai thác các công trình thủy lợi.
- Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi vừa và nhỏ.
- Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 38, Tổ dân phố 2, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên

Ông Lê Văn Thi

Bà Nguyễn Thị Nhung

Chức vụ

Giám đốc

Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán độc lập cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN

Báo cáo của Ban giám đốc (tiếp theo)

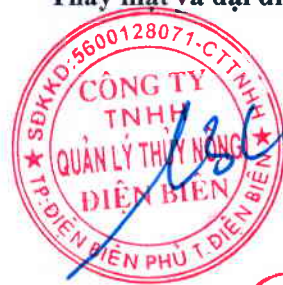
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Điện Biên, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Thay mặt và đại diện Công ty



Lê Văn Lợi

Số: 39/2025/BCTC-PNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22/03/2025 từ trang 6 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Năm 2023, Công ty đã thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập - Chi nhánh Hà Nội đã có ý kiến kiểm toán ngoại trừ, năm 2024 chúng tôi cũng chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán bổ sung để loại bỏ các ý kiến kiểm toán đó.
- Công ty đang ghi nhận tăng “Tài sản cố định hữu hình” và tăng “Vốn đầu tư của Chủ sở hữu” số tiền 183.362.551.427 VND theo các quyết định Sở tài chính Điện Biên giao cho Công ty quản lý trong nhiều năm. Theo các quyết định này chỉ bàn giao về Tài sản cho Công ty nhưng không có nội dung phê duyệt tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty. Với bằng chứng đã thu thập được, Chúng tôi chưa đủ cơ sở đưa ý kiến về việc ghi tăng “Vốn đầu tư của chủ sở hữu” này trên Báo cáo tài chính của Công ty.

- Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các xác nhận công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán cũng như không thực hiện được các biện pháp kiểm toán thay thế khác để xác định tính hiện hữu, tính có thật của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã thuyết minh tại mục 3. VII Thông tin khác, số liệu đầu năm của Công ty đã thay đổi do điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2023 của Sở tài chính ngày 13 tháng 12 năm 2024.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT



Nguyễn Ngọc Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2000-2023-136-1

Kiểm toán viên

Đặng Hải Hà

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2558-2023-136-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.435.967.510	6.671.071.164
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.938.733.515	1.804.950.502
111	1. Tiền		4.938.733.515	1.804.950.502
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			2.000.000.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2		2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.602.147.206	1.978.204.784
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	458.316.440	774.636.218
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	153.733.900	21.287.500
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.119.746.866	1.245.870.066
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(129.650.000)	(63.589.000)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	825.998.727	840.429.564
141	1. Hàng tồn kho		825.998.727	840.429.564
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		69.088.062	47.486.314
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	V.11b	69.088.062	47.486.314
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.324.301.997.785	1.338.974.556.053
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
220	II. Tài sản cố định		1.324.299.355.285	1.338.971.536.053
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	1.318.416.380.281	1.333.087.861.049
222	- Nguyên giá		1.327.808.591.898	1.342.180.143.398
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.392.211.617)	(9.092.282.349)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	5.882.975.004	5.883.675.004
228	- Nguyên giá		5.962.669.120	5.962.669.120
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(79.694.116)	(78.994.116)
230	III. Bất động sản đầu tư			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn			
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.642.500	3.020.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	2.642.500	3.020.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.331.737.965.295	1.345.645.627.217



CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.149.699.490	1.818.496.508
310	I. Nợ ngắn hạn		2.121.699.490	1.790.496.508
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10a	21.431.992	41.980.299
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10b		32.740.741
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11a	103.337.479	140.615.940
314	4. Phải trả người lao động		1.335.130.274	1.070.296.080
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.12	71.220.465	352.199.359
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		590.579.280	152.664.089
330	II. Nợ dài hạn		28.000.000	28.000.000
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		28.000.000	28.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.329.588.265.805	1.343.827.130.709
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.13	1.329.030.353.976	1.343.262.373.974
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.329.419.020.065	1.343.790.571.565
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		119.517.054	119.517.054
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(508.183.143)	(647.714.645)
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước		(647.714.645)	(647.714.645)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		139.531.502	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		557.911.829	564.756.735
431	1. Nguồn kinh phí		557.911.829	564.756.735
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.331.737.965.295	1.345.645.627.217

Điện Biên, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt và đại diện Công ty

Nguyễn Thị Nhung

Lê Văn Chi



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	14.323.663.371	14.236.642.110
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.323.663.371	14.236.642.110
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	10.916.323.172	10.552.262.445
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.407.340.199	3.684.379.665
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	18.361.895	410.161.105
22	7. Chi phí tài chính			
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			
25	8. Chi phí bán hàng			
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4b	3.226.925.668	3.636.714.076
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		198.776.426	457.826.694
31	11. Thu nhập khác	VI.5		3.780.000
32	12. Chi phí khác	VI.6	262.165	30.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		(262.165)	(26.220.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		198.514.261	431.606.694
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.7	39.702.852	98.321.339
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>158.811.409</u>	<u>333.285.355</u>

Điện Biên, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt và đại diện Công ty


 Nguyễn Thị Nhung


 Lê Văn Chi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.753.401.732	14.236.166.666
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.925.557.751)	(1.543.156.781)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.249.616.861)	(9.362.886.197)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(34.686.712)	(81.470.846)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		540.381.346	(1.047.526.202)
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.968.500.636)	(3.835.865.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.115.421.118	(1.634.739.076)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			4.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(18.000.010.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	20.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.361.895	405.376.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.018.361.895	2.409.566.600
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.133.783.013	774.827.524
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.804.950.502	1.030.122.978
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		4.938.733.515	1.804.950.502

Điện Biên, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt và đại diện Công ty


 Nguyễn Thị Nhung


 Lê Văn Chi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

Vốn điều lệ: 1.382.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn, ba trăm tám mươi hai tỷ đồng chẵn./.)

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 38, Tổ dân phố 2, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dân sinh kinh tế.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý, bảo vệ, vận hành và khai thác các công trình thủy lợi;
- Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi vừa và nhỏ;
- Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Tổng số cán bộ công nhân viên và người lao động

Tổng số cán bộ công nhân viên và người lao động của Công ty tại 31/12/2024 là 127 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị. Các khoản này được Công ty nắm giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn thay vì phục vụ mục đích đầu tư hoặc mục đích khác.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

3. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và các thông tư sửa đổi, bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị: 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 08 năm

Theo quy định tại Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018, các tài sản sau đây của Công ty không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước.
- Máy bơm nước từ 8.000m/giờ trở lên cùng các vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí đồ dùng văn phòng, thiết bị tin học, chi phí mua chữ ký số.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả bao gồm:

Phải trả người bán

Phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Phải trả phải nộp khác

Các khoản phải trả khác ngoài các nội dung trên.

Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Quỹ duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi được dùng để duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, không dùng vào việc khác hoặc chuyển thành lãi của Công ty. Nếu không dùng hết được kết chuyển kinh phí sang năm sau để duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi. Tỷ lệ hoặc mức về duy tu, sửa chữa, nâng cấp được trích theo quyết định theo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải được sử dụng để duy tu, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình tránh bị xuống cấp.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động dịch vụ tưới nước và tiêu nước: Là khoản tiền cấp bù thủy lợi phí được miễn đã được nghiệm thu theo hợp đồng giữ Công ty và các tổ chức, cá nhân dùng nước. Tiền thu thủy lợi phí của các đối tượng không được miễn phí thủy lợi.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp công trình thủy lợi mang lại như: nuôi bắt thủy sản, cho thuê âu thuyền, kinh doanh du lịch, phát điện, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt cho khu công nghiệp hoặc các hoạt động kinh doanh khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ các khoản hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ theo quy định như các khoản trợ cấp, trợ giá ... (không tính vào doanh thu các khoản: Kinh phí hỗ trợ đại tu, nâng cấp công trình thủy lợi, khôi phục công trình thủy lợi bị thiên tai, kinh phí hỗ trợ cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi).

Doanh thu khác: Là các khoản thu các khoản nợ khó đòi đã được xóa nợ nay thu hồi được, khoản thu thanh lý, nhượng bán tài sản và các khoản thu khác.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh cho các công tác tưới nước và tiêu nước cho việc hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp, là chi phí cho việc nuôi trồng thủy sản, đánh bắt cá, bảo vệ và kinh doanh khác cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	353.147.069	326.570.045
- Tiền gửi ngân hàng	4.585.586.446	1.478.380.457
Cộng	4.938.733.515	1.804.950.502

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Điện Biên		258.561
- Trần Công Chính	52.589.000	52.589.000
- Trần Văn Công		158.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6		45.000.000
- Công ty CP Xây dựng và Vật tư Thiết bị 7	14.056.600	14.056.600
- Công ty CP Xây dựng Thủy lợi, Thủy điện Điện Biên	38.004.400	38.004.400
- Lô Thị Hương	21.000.000	
- Lương Văn Thiên	11.000.000	
- Lò Văn Kiểu	11.000.000	11.000.000
- Nguyễn Mạnh Cường	14.000.000	14.000.000
- Phạm Khang Mừng	39.800.000	29.900.000
- Phạm Như Quyết		31.000.000
- Công ty TNHH Pa Khoang Điện Biên	256.866.440	380.827.657
Cộng	458.316.440	774.636.218

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trung Dũng	21.287.500	21.287.500
- Viện Kinh tế và Quản lý Thủy Lợi	132.446.400	
Cộng	153.733.900	21.287.500

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.119.746.866		1.245.870.066	
- Tạm ứng	1.057.428.763		1.018.175.646	
+ Lê Văn Thi	130.000.000		130.000.000	
+ Đàm Văn Phương	37.000.000		37.000.000	
+ Đinh Công Tâm	30.000.000		30.000.000	
+ Lò Thị Tâm	65.000.000		65.000.000	
+ Nguyễn Văn Tuyển	68.000.000		63.000.000	
+ Quàng Văn Dũng	30.000.000		30.000.000	
+ Theo QĐ của UBND tỉnh Điện Biên	449.994.373		522.175.726	
+ Trần Quốc Duyệt	89.500.000		13.000.000	
+ Đối tượng khác	157.934.390		127.999.920	
- Phải thu khác	62.318.103		227.694.420	
+ Công ty TNHH VDGSEA	53.970.806		53.970.806	
+ Đối tượng khác	8.347.297		56.178.409	
+ Lãi TGNH năm 2023			117.545.205	
b) Dài hạn				
Cộng	1.119.746.866		1.245.870.066	

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm, chi tiết:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
- Trần Công Chính	52.589.000		52.589.000	
- Công ty CP Xây dựng và Vật tư Thiết bị 7	14.056.600			
- Công ty CP Xây dựng Thủy lợi, Thủy điện Điện Biên	38.004.400			
- Lò Văn Kiểu	11.000.000		11.000.000	
- Nguyễn Mạnh Cường	14.000.000			
Cộng	129.650.000		63.589.000	

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	801.349.699		803.602.605	
- Công cụ, dụng cụ	24.649.028		36.826.959	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang				
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	825.998.727		840.429.564	

7. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

b) Dài hạn

- Phần mềm chữ ký số

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
2.642.500	3.020.000
2.642.500	3.020.000
2.642.500	3.020.000

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	2.739.913.969	746.994.000	1.483.680.000	1.337.209.555.429	1.342.180.143.398
- Giảm khác				(14.371.551.500)	(14.371.551.500)
Số dư cuối kỳ	2.739.913.969	746.994.000	1.483.680.000	1.322.838.003.929	1.327.808.591.898
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	(2.213.780.293)	(349.266.172)	(1.296.182.856)	(5.233.053.028)	(9.092.282.349)
- Số khấu hao trong kỳ	(80.701.118)	(74.699.400)	(144.528.750)		(299.929.268)
Số dư cuối kỳ	(2.294.481.411)	(423.965.572)	(1.440.711.606)	(5.233.053.028)	(9.392.211.617)
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	526.133.676	397.727.828	187.497.144	1.331.976.502.401	1.333.087.861.049
2. Tại ngày cuối kỳ	445.432.558	323.028.428	42.968.394	1.317.604.950.901	1.318.416.380.281

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.987.723.650

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.886.475.000			76.194.120	5.962.669.120
Số dư cuối năm	5.886.475.000			76.194.120	5.962.669.120
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(78.994.116)				(78.994.116)
- Số khấu hao trong năm	(700.000)				(700.000)
Số dư cuối năm	(79.694.116)				(79.694.116)
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	5.807.480.884				5.807.480.884
2. Tại ngày cuối năm	5.806.780.884				5.806.780.884



CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH Xây dựng Sơn Tùng tỉnh Điện Biên	7.899.400	7.899.400
- Công ty TNHH Nhật Bảo Điện Biên	-	10.225.500
- Công ty CPXD Thủy lợi, Thủy điện Điện Biên	5.932.590	5.932.590
- Công ty TNHH Tuấn Linh tỉnh Điện Biên	-	10.322.807
- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên	7.600.000	7.600.000
- Đối tượng khác	2	2
Cộng	21.431.992	41.980.299
b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Lương Văn Thiên		1.000.000
- Nguyễn Văn Phúc		15.740.741
- Quảng Văn Tường		16.000.000
Cộng		32.740.741

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	42.294.601	50.093.810	92.388.411	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	98.321.339	39.702.852	34.686.712	103.337.479
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		7.059.570	7.059.570	
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		3.000.000	3.000.000	
Cộng	140.615.940	99.856.232	137.134.693	103.337.479
b) Phải thu				
- Thuế GTGT			2.776.632	2.776.632
- Thuế tài nguyên	47.486.314	19.415.777	38.202.406	66.272.943
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		18.226.075	18.264.562	38.487
Cộng	47.486.314	37.641.852	59.243.600	69.088.062

12. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	71.220.465	352.199.359
- Phải trả Thủy lợi phí cấp thừa	60.250.000	294.049.646
- Các khoản khác	10.970.465	58.149.713
b) Dài hạn		
Cộng	71.220.465	352.199.359

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.343.790.571.565	119.517.054		1.343.910.088.619
Lỗ trong năm trước			(333.285.355)	(333.285.355)
Giảm khác			(314.429.290)	(314.429.290)
Số dư đầu năm nay	1.343.790.571.565	119.517.054	(647.714.645)	1.343.262.373.974
Tăng vốn trong năm nay				
Lãi trong năm nay			158.811.409	158.811.409
Tăng khác			17.120.093	17.120.093
Giảm khác	(14.371.551.500)		(36.400.000)	(36.400.000)
Số dư cuối năm nay	1.329.419.020.065	119.517.054	(508.183.143)	1.329.030.353.976

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên	100%	1.329.419.020.065	100%	1.343.790.571.565
Cộng	100%	1.329.419.020.065	100%	1.343.790.571.565

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.343.790.571.565	1.343.790.571.565
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm	14.371.551.500	
+ Vốn góp cuối năm	1.329.419.020.065	1.343.790.571.565

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.323.663.371	14.236.642.110
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Cộng	14.323.663.371	14.236.642.110

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.916.323.172	10.552.262.445
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng		
Cộng	10.916.323.172	10.552.262.445

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.361.895	410.161.105
- Doanh thu tài chính khác		
Cộng	18.361.895	410.161.105

4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
<i>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	3.226.925.668	3.636.714.076
- Chi phí nhân viên	2.235.420.136	2.672.891.594
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	59.124.700	81.523.000
- Chi phí vật liệu quản lý	35.735.431	55.999.174
- Chi phí khấu hao TCSĐ	300.629.268	329.218.501
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	93.182.856	89.964.288
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.365.116	107.876.337
- Chi phí bằng tiền khác	375.468.161	299.241.182

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Bán phế liệu		3.780.000
- Các khoản khác		
Cộng		3.780.000

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	262.165	30.000.000
Cộng	262.165	30.000.000

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
(1) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	198.514.261	431.606.694
(2) Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế		60.000.000
+ Điều chỉnh tăng	-	60.000.000
+ Chi phí không hợp lệ	-	60.000.000
(3) Chuyển lỗ năm trước		
(4) Tổng thu nhập chịu thuế = (1) + (2)-(3)	198.514.261	491.606.694
(5) Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
(6) Thuế TNDN phải nộp = (4)*(5)	39.702.852	98.321.339

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	9.160.776.748	9.259.834.548
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.954.382	50.320.588
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	29.385.431	26.562.174
- Chi phí vật liệu quản lý		
- Chi phí khấu hao TCSĐ	300.629.268	329.218.501
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	28.324.132	49.509.570
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	302.312.577	479.556.394
- Chi phí bằng tiền khác	4.270.866.302	3.993.974.746
Cộng	14.143.248.840	14.188.976.521

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin với các bên liên quan

Thu nhập đã chi trả trong năm	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng			
- Ông Nguyễn Văn Duyên (miễn nhiệm từ ngày 26/9/2023)	Chủ tịch		270.440.537
- Ông Lê Văn Thi	Giám đốc	230.400.000	283.824.998
- Ông Vũ Văn Viễn	Phó Giám đốc	201.600.000	248.221.874
- Bà Nguyễn Thị Nhung	Kế toán trưởng	89.818.181	224.819.790
Cộng		521.818.181	1.027.307.199
Ban kiểm soát			
- Bà Hà Thị Hồng	Kiểm soát viên	40.320.000	49.392.000
Cộng		40.320.000	49.392.000

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Y
HẠN
CTẾ
HÀ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập - Chi nhánh Hà Nội. Một số chỉ tiêu trên báo cáo đã được thay đổi do điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2023 của Sở tài chính ngày 13 tháng 12 năm 2024.

Các chỉ tiêu thay đổi, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số tài khoản	Số liệu tại ngày 01/01/2024 trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty	Số liệu tại ngày 31/12/2023 trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản ngắn hạn		1.245.870.066	1.850.138.608	(604.268.542)
Phải thu khác	138	1.245.870.066	1.850.138.608	(604.268.542)
Tổng Tài sản		1.245.870.066	1.850.138.608	(604.268.542)
Nợ phải trả		1.743.775.468	1.700.329.365	43.446.103
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	333	140.615.940	76.561.313	64.054.627
Phải trả người lao động	334	1.070.296.080	1.374.156.052	(303.859.972)
Phải trả khác	338	352.199.359	236.912.000	115.287.359
Dự phòng phải trả ngắn hạn	352	152.664.089		152.664.089
Quỹ khoa học phát triển công nghệ	414	28.000.000	12.700.000	15.300.000
Nguồn vốn		(647.714.645)	-	(647.714.645)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(647.714.645)	-	(647.714.645)
Tổng Nguồn vốn		1.096.060.823	1.700.329.365	(604.268.542)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	14.236.642.110	14.294.779.756	(58.137.646)
Giá vốn hàng bán	632	10.552.262.445	10.852.086.918	(299.824.473)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	3.636.714.076	3.679.420.381	(42.706.305)
Chi phí khác	811	30.000.000	34.200.000	(4.200.000)
Lợi nhuận kế toán trước thuế		431.606.694	143.433.562	288.173.132
Chi phí thuế TNDN	821	98.321.339	34.686.712	63.634.627
Lợi nhuận sau thuế TNDN	421	333.285.355	108.746.850	224.538.505

Điện Biên, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt và đại diện Công ty


Nguyễn Thị Nhung



Lê Văn Chi